

KẾ HOẠCH

Duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) tỉnh Thái Nguyên năm 2026

Ngày 11/5/2026, Chính phủ tổ chức Phiên họp lần thứ ba năm 2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, tại Phiên họp, Bộ Nội vụ đã công bố Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2025 và Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố (Par Index) năm 2025. Kết quả Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) năm 2025 của tỉnh Thái Nguyên đạt 92,54%, tăng 1,07% so với năm 2024 (91,47%), cao hơn điểm trung bình toàn quốc 2,58% và xếp thứ 6/34 tỉnh, thành phố.

Để nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Kế hoạch duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) tỉnh Thái Nguyên năm 2026, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước của Chính phủ giai đoạn 2021 - 2030; Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2026; Đề án số 22-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 06/02/2026 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao kết quả của các tiêu chí, tiêu chí thành phần có điểm số cao; khắc phục, cải thiện những tiêu chí, tiêu chí thành phần bị mất điểm hoặc có điểm số thấp. Duy trì và phấn đấu Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số PCI của tỉnh năm 2026 tăng cả về điểm số và thứ hạng so với năm 2025.

- Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Đề án của Tỉnh ủy về cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030. Tạo chuyển biến rõ rệt trong cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

2. Yêu cầu

- Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 27/12/2025 của UBND tỉnh cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2026 và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về cải thiện Chỉ số cải cách hành chính năm 2026 phù hợp với quá trình triển khai thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh.

- Các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là các cơ quan được phân công chủ trì các nội dung, lĩnh vực, tiêu chí của Chỉ số cải cách hành chính đánh giá đúng thực trạng, kết quả thực hiện các nội dung liên quan. Bám sát các tiêu chí, theo dõi, đánh giá của Chỉ số, các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương về cải cách hành chính, chủ động, tích cực tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện. Đề ra các giải pháp, biện pháp cụ thể, tổ chức triển khai tại từng cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả (tăng điểm số, tăng thứ hạng) các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số.

- Phân công rõ trách nhiệm và nhiệm vụ cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương và từng cán bộ, công chức, viên chức nhằm khắc phục những tiêu chí, nội dung bị mất điểm, điểm số thấp, những hạn chế của Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số PCI của tỉnh Thái Nguyên trong năm 2025, đảm bảo các nội dung, nhiệm vụ được triển khai đầy đủ, kịp thời; có sự bàn giao, chuyển tiếp thực hiện, không để bị gián đoạn, thiếu sót trong quá trình thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra của Đề án cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 nhằm tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Thái Nguyên.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch này.

II. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

(Có Biểu phân công nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục kèm theo)

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ; Chương trình cải cách

hành chính tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2026; Đề án số 22-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 06/02/2026 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026.

2. Tiếp tục nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm của từng ngành, địa phương, tạo chuyển biến căn bản trong công tác cải cách hành chính, đặc biệt là trong việc khắc phục các tiêu chí, tiêu chí thành phần năm 2025 của tỉnh Thái Nguyên bị mất điểm hoặc có điểm số và thứ hạng chưa cao.

3. Đẩy mạnh tuyên truyền về công tác cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, đặc biệt cần có nội dung tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tra cứu thông tin để các cá nhân, tổ chức biết và sử dụng đảm bảo hiệu quả.

4. Thực hiện nghiêm túc các quy định của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện có hiệu quả Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Chính phủ về phân cấp, phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính¹; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 06/02/2026 về việc tiếp tục nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp; tiếp tục triển khai cơ chế “Luồng xanh 24 giờ”, “Luồng xanh 60%” và đẩy mạnh thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho

¹ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026; Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên nền tảng dữ liệu, thúc đẩy chuyển đổi số và liên thông giữa các cơ quan; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;...

người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

5. Tiếp tục triển khai thực hiện các quy định của Chính phủ về sắp xếp, tổ chức bộ máy, tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã; sắp xếp, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và cung ứng các dịch vụ sự nghiệp như y tế, giáo dục...

6. Tăng cường kiểm tra, giám sát thực thi công vụ đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nói chung và đội ngũ trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính nói riêng đảm bảo thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, đặc biệt là tinh thần, thái độ phục vụ người dân; chấn chỉnh, không để hiện tượng những nhiều, tiêu cực, không để hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn.

7. Đổi mới cơ chế tài chính, xây dựng dự toán chi thường xuyên theo hướng triệt để tiết kiệm, cắt giảm những nhiệm vụ chi không thực sự cần thiết, gắn với kế hoạch tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy hành chính. Tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập; giảm tỷ lệ chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp; tiếp tục tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

8. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Chuyển đổi số quốc gia, Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia, Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên năm 2026.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính được phân công và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về điểm số, thứ hạng các tiêu chí, tiêu chí thành phần, nội dung lĩnh vực được giao chủ trì.

2. Giám đốc Sở Nội vụ

- Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp và định kỳ báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Tham mưu UBND tỉnh tiếp tục theo dõi, đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính, đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các đơn vị, địa phương để đánh giá đúng thực trạng, chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công. Lấy kết quả Chỉ số cải cách hành chính là một trong những

tiêu chí quan trọng trong đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng năm và bình xét thi đua - khen thưởng.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này, Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 27/12/2025 của UBND tỉnh về cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2026, Kế hoạch cải cách hành chính của đơn vị, địa phương thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ nhiệm vụ đề ra và định kỳ báo cáo tình hình thực hiện trong báo cáo công tác cải cách hành chính theo quy định.

4. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh và các địa phương đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền sâu rộng về ý nghĩa công tác cải cách hành chính trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống thông tin cơ sở.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh phối hợp cùng UBND tỉnh tăng cường giám sát việc thực hiện cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch cải thiện và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) tỉnh Thái Nguyên năm 2026. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban xây dựng Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH - HĐND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, HC-TC, TTPVHCC.

Anhntk.6/2026

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Loan

PHỤ LỤC
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH DUY TRÌ, CẢI THIỆN, NÂNG CAO CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2026	Thời gian chậm nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
I.	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH				
1.1	Hướng dẫn, hỗ trợ các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường thực hiện các quy trình đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến cấp tỉnh đối với lĩnh vực cải cách hành chính	Tối thiểu 3 sáng kiến, giải pháp được công nhận phạm vi ảnh hưởng	Trong ngày 31/12/2026	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
1.2	Bám sát tiến độ các nhiệm vụ tại Kế hoạch CCHC năm 2026 và thực hiện đảm bảo hiệu quả, chất lượng	Hoàn thành 100% Kế hoạch	Trong ngày 31/12/2026	Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tại Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 27/12/2025 của UBND tỉnh	Sở Nội vụ
1.3	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền CCHC: Đa dạng kênh tuyên truyền; đăng tải, tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; Chuyên trang cải cách hành chính của tỉnh Thái Nguyên	Nâng cao hiệu quả, đa dạng hình thức tuyên truyền; tăng số lượng tin, bài, lượng tương tác, truy cập Chuyên trang cải cách hành chính của tỉnh	Trong ngày 31/12/2026	Các cơ quan thông tin, truyền thông của tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Sở Nội vụ
1.4	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	100% vấn đề qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị	Trong ngày	Các sở, ban, ngành, UBND	Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2026	Thời gian chậm nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		xử lý	31/12/2026	cấp xã	
1.5	Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao	Trong ngày 31/12/2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ				
2.1	Tổ chức thi hành pháp luật				
	Kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật; Xử lý kết quả thi hành văn bản QPPL	Tổ chức kiểm tra công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh (kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực trọng tâm như: an toàn thực phẩm; công tác chính sách đối với Quân đội, hậu phương Quân đội; đầu tư) và xử lý kết quả thi hành văn bản QPPL.	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Tư pháp
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	Thực hiện công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật tại các đơn vị, địa phương	Trong năm 2026	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
2.1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh; Ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý	Trong năm 2026	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2026	Thời gian chậm nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền			
2.2	Rà soát văn bản QPPL				
2.2.1	Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ban hành Quyết định công bố danh mục văn bản hết hiệu lực đảm bảo đúng về thời hạn theo quy định của Chính phủ	Trong năm 2026	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
2.3	Kiểm tra, xử lý VBQPPL				
2.3.1	Thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền	Thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền tại các đơn vị, địa phương trong năm 2026	Trong năm 2026	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
2.3.2	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	Đạt 100% số văn bản đã xử lý/kiến nghị xử lý	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Tư pháp
2.4	Chất lượng văn bản QPPL do tỉnh ban hành	100% các dự thảo văn bản QPPL đều được thẩm định trước khi ban hành, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, hợp lý và khả thi, đúng quy định pháp luật	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành	Sở Tư pháp
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				
3.1	Công bố, công khai TTHC và các quy				

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2026	Thời gian chậm nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
	định có liên quan				
3.1.1	Công khai đầy đủ, đúng quy định toàn bộ TTHC 02 cấp chính quyền trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh	100% TTHC thuộc thẩm quyền của 02 cấp chính quyền được công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh	Thường xuyên	Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh
3.1.2	Công khai đầy đủ, đúng quy định toàn bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các Sở, ngành, UBND cấp xã	100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được công khai trên Trang TTĐT của cơ quan, đơn vị	Thường xuyên	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
3.1.3	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Công khai 100% tiến độ, kết quả giải quyết TTHC thuộc 02 cấp chính quyền trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Thường xuyên	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
3.1.4	Công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC	100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được công khai tại nơi giải quyết TTHC theo quy định	Thường xuyên	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
3.1.5	TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và trong từng cơ quan hành chính nhà nước được rà soát, kiến nghị, cắt giảm thủ tục, thời gian giải quyết, chi phí thực hiện và sửa đổi, hoàn thiện để	100% TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và trong từng cơ quan hành chính nhà nước được rà soát, cắt giảm thủ	Thường xuyên	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2026	Thời gian chậm nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
	phù hợp với việc thực hiện tinh gọn, sắp xếp bộ máy, đồng thời bảo đảm thông suốt, hiệu quả	tục, thời gian giải quyết, chi phí thực hiện			
3.2	Kết quả giải quyết TTHC				
3.2.1	Tỷ lệ hồ sơ đúng hạn do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận, giải quyết	Phân đầu tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận được giải quyết đúng hạn bình quân toàn tỉnh đạt trên 99%	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh
3.2.2	Tỷ lệ hồ sơ đúng hạn do UBND cấp xã tiếp nhận, giải quyết		Trong năm 2026	UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp xã
3.2.3	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi giải quyết hồ sơ TTHC quá thời hạn quy định	100% hồ sơ giải quyết quá hạn phải có văn bản xin lỗi của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời, đúng quy định	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC, BỘ MÁY				
4.1	Thực hiện quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy				
4.1.1	Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các CQCM cấp tỉnh và phòng chuyên môn cấp xã	100% cơ quan, đơn vị triển khai các nội dung về sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ theo các Nghị định của Chính phủ, các hướng dẫn của Bộ Nội vụ	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ
4.1.2	Thực hiện cơ cấu số lượng lãnh đạo tại	Thực hiện đúng quy định	Trong năm 2026	Các sở, ban,	Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2026	Thời gian chậm nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
	các cơ quan hành chính theo quy định	của Chính phủ và đảm bảo cơ cấu hợp lý		ngành, UBND cấp xã	
4.1.3	Thực hiện sắp xếp, kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định	Tiếp tục thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo đúng định hướng của Trung ương	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ
4.2	Thực hiện phân cấp quản lý				
4.2.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	Thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định của Chính phủ, hướng dẫn của các bộ, ngành về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền trong quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành có lĩnh vực phân cấp đối với địa phương	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
4.2.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho địa phương	Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hàng năm đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho địa phương theo quy định của Chính phủ	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành có lĩnh vực phân cấp đối với địa phương	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
4.2.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	100% vấn đề qua kiểm tra thực hiện phân cấp được khắc phục và thể hiện rõ trong báo cáo kết quả	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2026	Thời gian chậm nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
V	NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC				
5.1	Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm (VTVL) của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý	Thường xuyên rà soát, cập nhật và ban hành các văn bản để hoàn thiện các quy định về VTVL và tiêu chuẩn chức danh đối với các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý theo quy định	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ
5.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thực hiện phân cấp tuyển dụng công chức, viên chức tại các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo đúng quy định, trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức, Luật viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành và phân cấp của UBND tỉnh	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ
5.3	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	Phấn đấu năm 2026, không có CBCCVN giữ chức vụ lãnh đạo quản lý cấp sở, ngành và tương	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2026	Thời gian chậm nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		đương, từ cấp phòng thuộc CQCM cấp tỉnh, UBND cấp xã trở lên bị kỷ luật			
5.4	Hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Hoàn thành 100% kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2026	Trong ngày 31/12/2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách				
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	Phân đầu tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2026 tối thiểu đạt từ 95% trở lên	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kho bạc Nhà nước; Sở Tài chính
6.1.2	Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan hành chính các cấp ở địa phương	100% cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định, không có sai phạm	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Tài chính
6.1.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.	Phân đầu thực hiện tối thiểu từ 90% trở lên số tiền kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính,	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Tài chính Kho bạc Nhà nước

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2026	Thời gian chậm nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		ngân sách được nộp ngân sách nhà nước theo quy định			
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công				
6.2.1	Tham mưu ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công	Các văn bản về quản lý, sử dụng tài sản công được ban hành, đảm bảo nội dung, quy trình và công khai theo quy định	Trong năm 2026	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
6.2.2	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	Thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất, sắp xếp lại, xử lý tài sản công sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, sáp nhập tỉnh.	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường
6.2.3	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	Thực hiện kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định	Trong năm 2026	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)				
6.3.1	Số đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên	Phấn đấu có từ 01 đơn vị SNCL được giao tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên (không tính các trường hợp giao lại) trở lên	Trong năm 2026	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
6.3.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi	Phấn đấu có ít nhất từ 02	Trong năm 2026	Sở Tài chính	Các sở, ban,

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2026	Thời gian chậm nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
	thường xuyên	đơn vị SNCL được giao tự bảo đảm một phần kinh phí chi thường xuyên (không tính các trường hợp giao lại) trở lên			ngành, UBND cấp xã
6.3.3	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)	Phấn đấu mức chi trực tiếp ngân sách nhà nước cho đơn vị SNCL của tỉnh trong năm 2026 giảm so với năm 2025 (Năm 2025 chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị SNCL là 1.466.622 triệu đồng)	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Tài chính
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ				
7.1	Hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số	Triển khai thực hiện và hoàn thành 100% các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số đặt ra trong năm 2026	Trong năm 2026	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
7.2	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI)	Triển khai hệ thống thông tin có ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp và ứng dụng AI nâng cao khác	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2026	Thời gian chậm nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
7.3	Phát triển nền tảng cơ sở dữ liệu				
7.3.1	Thực hiện kết nối đầy đủ hệ thống có dữ liệu cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (National Data Exchange Platform - NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức	Thực hiện kết nối đầy đủ hệ thống có dữ liệu cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (National Data Exchange Platform - NDXP) (27 hệ thống) được đưa vào sử dụng chính thức	Trong năm 2026	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
7.4	Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước				
7.4.1	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan HCNN	100% văn bản, hồ sơ công việc được xử lý, phê duyệt, trao đổi hoàn toàn trên môi trường điện tử, bao gồm cả việc ký số, lưu trữ và gửi nhận văn bản điện tử qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh.	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
7.5	Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức				
7.5.1	Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	Thường xuyên cập nhật, cung cấp đầy đủ thông tin, đúng quy định trên Cổng	Trong năm 2026	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2026	Thời gian chậm nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		thông tin điện tử của tỉnh			quan
7.5.2	Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 100%. - Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 100% .	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh
7.5.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	Phấn đấu tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình năm 2026 được xử lý đạt tỷ lệ 80%	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh
7.5.4	Thực hiện thanh toán trực tuyến	Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến đạt 100%, tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến đạt 95% và tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt 95%	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh
VIII	TÁC ĐỘNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI				
8.1	Kết quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) năm 2026				
8.1.1	Tiếp cận dịch vụ	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, truyền thông về kiểm soát TTHC, thực hiện	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2026	Thời gian chậm nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		Cơ chế một cửa, một cửa liên thông; hướng dẫn thực hiện dịch vụ công trực tuyến; đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã			Công nghệ; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
8.1.2	Tổ chức giải quyết TTHC	Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa TTHC, thành phần hồ sơ, yêu cầu, điều kiện TTHC	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
8.1.3	Công chức giải quyết TTHC	Nâng cao năng lực của công chức giải quyết TTHC; cải thiện tinh thần phục vụ, thái độ giao tiếp, ứng xử đúng quy định về văn hóa công vụ	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh
8.1.4	Kết quả giải quyết TTHC	Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC; giảm thời gian đi lại và nâng cao sự hài lòng của tổ chức, cá nhân	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
8.1.5	Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến TTHC	100% các cơ quan kịp thời giải quyết phản ánh, kiến nghị và công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đúng quy định	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2026	Thời gian chậm nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
8.2	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	Tổng số thu hút đầu tư của tỉnh Thái Nguyên trong năm 2026 tăng so với năm 2025 (Năm 2025 có 233 dự án FDI còn hiệu lực với tổng số vốn đăng ký đạt 11.455 triệu USD)	Trong năm 2026	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
8.3	Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh				
8.3.1	Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường	Phấn đấu năm 2026, tăng tỷ lệ doanh nghiệp được thành lập mới và tái gia nhập thị trường cao hơn so với năm 2025, đạt từ 2.474 doanh nghiệp trở lên	Trong năm 2026	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
8.3.2	Số vốn đăng ký của doanh nghiệp	Số vốn đăng ký của doanh nghiệp (bao gồm cả số vốn đăng ký mới và đăng ký bổ sung) tăng so với năm 2025 (đạt trên 14.068 tỷ đồng trở lên)	Trong năm 2026	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
8.3.3	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp trong năm 2026 cao hơn so với năm 2025 (Năm 2025, đóng	Trong năm 2026	Sở Tài chính	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2026	Thời gian chậm nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		góp của khu vực doanh nghiệp là 12.176,2 triệu đồng, đạt tỷ lệ 41,89%)			
8.3.4	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	Phấn đấu tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh đạt 100%	Trong năm 2026	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
8.4	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao	Năm 2026, thu ngân sách của tỉnh vượt so với dự toán và giá trị thu ngân sách của tỉnh thuộc nhóm 10 địa phương cao từ vị trí thứ 11 đến 20 so với 34 tỉnh, thành phố)	Trong năm 2026	Sở Tài chính	Thuế tỉnh Thái Nguyên; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
8.5	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao	Phấn đấu hoàn thành 100% chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao vượt kế hoạch	Trong năm 2026	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Tài chính
IX	MỘT SỐ TIÊU CHÍ NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH (PCI)				
9.1	Khảo sát mức độ hài lòng của tổ chức, người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước	Phấn đấu tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng đạt >90%	Trong năm 2026	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
9.2	Xây dựng Kế hoạch duy trì, nâng cao các chỉ số PAR INDEX, SIPAS, nâng cao	Tăng thứ hạng so với năm 2025	Trong năm 2026	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành liên quan;

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2026	Thời gian chậm nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
	hiệu quả quản trị và hành chính công				UBND cấp xã
9.3	Xây dựng hoàn thiện các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển thị trường lao động theo hướng hiện đại	Chương trình, đề án, kế hoạch	Trong năm 2026	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
9.4	Tham mưu phát triển thị trường lao động	Hoàn thành 100% kế hoạch năm	Trong năm 2026	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan
9.5	Rà soát, dự báo nhu cầu lao động	Đạt trên 90% số doanh nghiệp trọng điểm	Trong năm 2026	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan
9.6	Đẩy mạnh kết nối cung - cầu lao động	Số lao động Tăng 10-15% so với cùng kỳ	Trong năm 2026	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan